

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 08/09/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RC3+TD2	7:25	6+16	0+0		0+21	0+0	CHUYEN 1 RC3-td2
2		BK6+P2	7:25	4+18	0+0		4+18	0+0	
3		PPD+BK5+P10	7:25	18+4+0	0+0+0		14+5+3	0+0+0	
4		RP2+PVD1+RP3	9:25	2+8+12	0+0+0		1+2+18	0+0+0	
5		PPD+P7	9:25	7+15	0+0		1+17	0+0	
6		P4+PPD+BK14	9:25	12+2+4	0+0+0		15+0+0	0+0+0	CHUYEN 1 P4-ppd
7		P2+BK8	11:25	13+8	0+0		2+6	0+0	
8		PPD+RP3+RCDM	11:25	16+6+0	0+0+0		0+15+4	0+0+0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/1 NGUOI RP3 VỀ ĐI P2

FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/09/2022	TO: RC3 - TD2	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: MTHAO - VThắng - Toàn	ETA: 09:10
XANH-1			

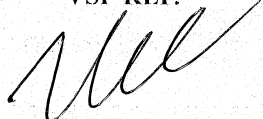
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ XUÂN PHƯƠNG	RC3	04-05	2	18		60	XAYLAP	Vietnamese
2	PHẠM TUẤN LONG	RC3	12-14	3	18		65	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH TRUNG	RC3	03	1	16	40	70	XAYLAP	Vietnamese
4	VÔ TẠ HÙNG	RC3	08-09	2	17		67	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH TÂN	RC3	06-07	2	15		72	XAYLAP	Vietnamese
6	HOÀNG ANH THÂN	RC3	01-02	2	18		74	XAYLAP	Vietnamese
7	BUI VĂN CHÍNH	TD2					90	KHOAN	Vietnamese
8	VƯƠNG ĐÌNH LIÊN	TD2	26	1	3		63	KHOAN	Vietnamese
9	BUI NGỌC DŨNG	TD2	27	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
10	NGÔ VĂN BẠC	TD2	32	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
11	ĐỖ VĂN CUÔNG	TD2	28	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
12	BUI NGỌC ĐỖ	TD2	36	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN GIA THAO	TD2	34-35	2	10		63	KHOAN	Vietnamese
14	QUÁCH VĂN TÔI	TD2	22	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM VĂN THẮNG	TD2	33	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
16	HOÀNG ĐÌNH THẮNG	TD2	37	1	3	50	70	KHOAN	Vietnamese
17	TRƯỜNG ĐỨC MẠNH	TD2	23	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
18	KHÔNG QUỐC HÙNG	TD2	24-25	2	8		60	KHOAN	Vietnamese
19	TẠ HOÀI TRANG	TD2	31	1	10		72	ANTOAN	Vietnamese
20	VŨ NGỌC TIẾN	TD2	21	1	7		70	DVL	Vietnamese
21	ĐỖ THANH HẢI	TD2	19-20	2	12		70	DVL	Vietnamese
22	ĐẶNG XUÂN THẮNG	TD2	29-30	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	6	12	102	408	40	0	1	CHUYỂN 01 PAX TỪ RC3 SANG TD2
2	TD2	16	19	107	1.171	50	21		
TOTAL		22	31	209	1.579	90	21		
WEIGHT KG				209	1.579	90			

GRAND TOAL: 1.878 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/09/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: BK6 - P2	CREW: CHIẾN - Dương - MQUÂN	ETA: 09:15
CAM-1			

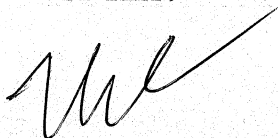
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CHU QUYNH AN	BK6	46	1	7	15	100	KH-THAC	Vietnamese
2	VU VAN THO	BK6	45	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
3	KOSTIKIN	BK6	47	1	14		131	NIPI	Russian
4	NGUYEN VAN PHE	BK6	44	1	2		65	PSV	Vietnamese
5	NGUYEN THUA THAI	P2	75-76	2	18	80	64	CODIEN	Vietnamese
6	DO ĐỨC ANH	P2	73-74	2	18		79	CODIEN	Vietnamese
7	ĐẶNG ĐÌNH TUẤN	P2	71	1	13		73	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYEN VAN HIEN	P2	35	1	15		60	XAYLAP	Vietnamese
9	BAGRAMOV	P2	32	1	10		100	KH-THAC	Russian
10	DƯƠNG ĐỨC HIỆU	P2	38	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN SON TRUONG	P2	72	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM QUỐC HIẾN	P2					65	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐOÀN NGUYỄN BẢO CHÂU	P2					61	KH-THAC	Vietnamese
14	TRÁC ĐỨC HUY	P2	33	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG MINH ĐỨC	P2	30	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ VĂN ĐỒNG	P2	34	1	3		84	KH-THAC	Vietnamese
17	VU VAN HIEU	P2	31	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
18	VU VAN NAM	P2	29	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN HOANG CAM	P2	37	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN HIEU	P2	81	1	11		82	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM NGUYỄN HOÀNG PHÚC	P2	36	1	4		84	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN TIEN HUNG	P2	28	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

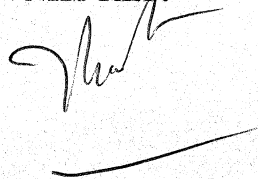
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	4	4	29	367	15	4		
2	P2	18	18	129	1.290	80	18		
TOTAL		22	22	158	1.657	95	22		
WEIGHT KG				158	1.657	95			

GRAND TOAL: 1.910 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/09/2022	TO: PPD - BK5 - P10	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: TUYỀN - NPhú - QTrưởng	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÂM QUANG NAM	PPD	52	1	8	40	77	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN MINH VIÊN	PPD				23	75	KHI	Vietnamese
3	BUI THANH HAI	PPD	38	1	5		65	KHI	Vietnamese
4	PHAN VĂN TUNG	PPD	46	1	10		81	KHI	Vietnamese
5	HUYNH NAM LONG	PPD	57	1	10		67	KHI	Vietnamese
6	PHẠM ĐỨC TUÂN	PPD	41	1	4		70	KHI	Vietnamese
7	ĐINH THẾ QUÂN	PPD	42	1	5		66	KHI	Vietnamese
8	VÕ TẠ QUANG	PPD	40	1	5		70	KHI	Vietnamese
9	PHẠM TÀI	PPD	35	1	12		70	KHI	Vietnamese
10	TRẦN ĐỨC DUY	PPD	43-44	2	10		70	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC THU	PPD	34	1	5		60	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN VỊNH	PPD	39	1	7		80	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC NGỌC	PPD	45	1	5	60	66	KHI	Vietnamese
14	HOÀNG HUY TIẾN	PPD	32-33	2	11		59	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN HỮU HAO	PPD	50	1	8		75	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN VIỆT ĐẠI	PPD	51	1	4		70	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN TRỌNG ĐẠI NGHĨA	PPD	37	1	7		76	KHI	Vietnamese
18	PHẠM HỒNG THAI	PPD	36	1	5		67	KHI	Vietnamese
19	HOÀNG ĐÌNH QUÊ	BK5	82	1	8	40	85	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN QUỐC HOÀN	BK5	83	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐINH VĂN HAI	BK5	84	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAN XUÂN HOA	BK5	85	1	6		67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

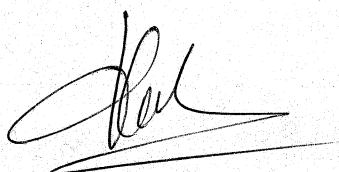
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	18	19	121	1.264	123	14		
2	BK5	4	4	24	268	40	5		
3	P10	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	23	145	1.532	163	22		
WEIGHT KG				145	1.532	163			

GRAND TOAL: 1.840 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/09/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT: 4	TO: RP2 - PVD1 - RP3	CREW: MTHAO - VThắng - Toan	ETA: 11:20
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KIM NHẬT THÀNH	RP2	74	1	10	35	70	NHATHAU	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN TIẾN	RP2	72-73	2	12	20	75	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN NGỌC LÊ	PVD1	05	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
4	NGÔ VIỆT PHƯƠNG	PVD1	44	1	9		95	KHOAN	Vietnamese
5	TÔ VĂN ĐỨC	PVD1	45	1	5		65	VTB	Vietnamese
6	KHUẤT NGỌC THẮNG	PVD1	13-14	2	14		69	NHATHAU	Vietnamese
7	NGUYỄN XUÂN DUY	PVD1	10-12	3	17		76	NHATHAU	Vietnamese
8	EUGENE SCOTT DUBOIS	PVD1				27	124	NHATHAU	American
9	ERWAN TURLIN	PVD1	06-07	2	18		86	NHATHAU	French
10	ĐỖ TUẤN KHÔI	PVD1	08-09	2	17		72	NHATHAU	Vietnamese
11	CHU VĂN LƯƠNG	RP3	01	1	4	80	70	D-HANH	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN THỌ	RP3	06	1	7		91	D-HANH	Vietnamese
13	HOÀNG THANH HÒA	RP3	04	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TRỌNG HAI	RP3	07	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ QUANG HÙNG	RP3	08-09	2	7		74	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI VĂN HÙNG	RP3					76	KHI	Vietnamese
17	TRẦN VIỆT QUANG	RP3	10-11	2	8		77	KHI	Vietnamese
18	NGO THANH LAM	RP3	76	1	5		72	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN NGỌC ANH	RP3	87	1	4		68	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH HÀ	RP3	12	1	5		80	KHI	Vietnamese
21	PHẦN THỊ THUY NGÀ	RP3	05	1	5		55	ANTOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN XUÂN SANG	RP3	75	1	3		60	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	2	3	22	145	55	1		
2	PVD1	8	12	88	662	27	2		
3	RP3	12	13	58	862	80	18		
TOTAL		22	28	168	1.669	162	21		
WEIGHT KG				168	1.669	162			

GRAND TOAL: 1.999 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/09/2022	TO: PPD - P7	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:45
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: CHIẾN - Dương - MQUÂN	ETA: 11:35
NAU-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN DUY HUNG	PPD	58	1	4	40	90	KHI	Vietnamese
2	TRẦN SƠN HAI	PPD	60	1	2		75	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN DANG HUY	PPD	63	1	4		75	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN HUYNH	PPD	61	1	3		50	KHI	Vietnamese
5	ĐOÀN VĂN TRỰC	PPD	62	1	5		70	KHI	Vietnamese
6	HOANG VĂN CHIẾN	PPD	58 AC	1	5		65	KHI	Vietnamese
7	ĐINH NGỌC QUY	PPD	64	1	4		75	KHI	Vietnamese
8	CHU MINH PHUONG	PPD	65	1	7		85	KHI	Vietnamese
9	DƯƠNG ĐIỆP PHI	P7				80	78	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN TRỌNG THUY	P7					66	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN HỮU NAM	P7	69	1	6		85	KHOAN	Vietnamese
12	ĐÀU VĂN MINH	P7					76	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN XUÂN HẬU	P7	02	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HUYNH	P7	65	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
15	HOANG NHẬT QUANG	P7	71	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN TỰ ĐỘ	P7	68	1	7		66	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ XUÂN TUYẾN	P7					60	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN TIẾN HOA	P7	67	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
19	HUYNH TRUNG NGHĨA	P7	03	1	2		71	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN QUỐC TUAN	P7	04-05	2	6		78	KHOAN	Vietnamese
21	BUI NGỌC TU	P7	66	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN VIỆT HUNG	P7	70	1	15		62	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	8	8	34	585	40	1		
2	P7	14	11	62	984	80	17		
TOTAL		22	19	96	1.569	120	18		
WEIGHT KG				96	1.569	120			

GRAND TOAL: 1.785 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/09/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 6	TO: P4 - PPD - BK14	CREW: TUYỀN - NPhú - QTrưởng	ETA: 11:30
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ZHURBIN N.B	P4	05	1	5		85	KHI	Russian
2	HA QUỐC VIỆT	P4	06	1	3		61	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN BẠCH DƯƠNG	P4	08	1	6		70	KHI	Vietnamese
4	PHẠM VĂN QUYỀN	P4	13-14	2	13		77	KHI	Vietnamese
5	HOANG VĂN HUNG	P4				100	75	KHI	Vietnamese
6	BUI HUU LAN	P4	09	1	5		76	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐÌNH CỬ	P4	07	1	6		77	KHI	Vietnamese
8	HOANG ĐỨC LAM ANH	P4	12	1	5		75	KHI	Vietnamese
9	LÊ VĂN HƯƠNG	P4	04	1	4		70	KHI	Vietnamese
10	TRẦN ĐỨC KHUÔNG	P4	11	1	5		83	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN CHIẾN CÔNG	P4	10	1	5		69	KHI	Vietnamese
12	HOANG THAI DƯƠNG	P4					63	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN HUY TRƯỞNG	PPD	01	1	3	40	69	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC ĐOÀI	BK14	32	1	9		60	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ QUY ĐÓN	BK14	31	1	8	18	70	XAYLAP	Vietnamese
16	LÊ VĂN BAY	BK14	33-34	2	20		58	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN VĂN TRƯỞNG	BK14	36	1	15		67	XAYLAP	Vietnamese
18	DOAN NGOC THUONG	BK14	37	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	12	11	57	881	100	15	1	CHUYEN 1 PAX P4-PPD
2	PPD	1	1	3	69	40	0		
3	BK14	5	6	59	330	18	0		
TOTAL		18	18	119	1.280	158	15		
WEIGHT KG				119	1.280	158			

GRAND TOAL: 1.557 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/09/2022	TO: P2 - BK8	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:00
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: HUNG - ĐNam - PTUẤN	ETA: 13:40
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TĂNG MẠNH HÀ	P2	86	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN XUAN PHONG	P2	85	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM VĂN QUYÊN	P2	89	1	5	80	70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN CÔNG THANH	P2	90	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
5	KLING	P2	84	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ NGỌC DŨNG	P2	87	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN NGỌC DŨ	P2	88	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ SINH TÂM	P2	82	1	3		91	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ ĐÌNH HUAN	P2	83	1	6		57	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ NGỌC CẢNH	P2	91-92	2	20		83	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH TÙNG	P2	93	1	13		74	CODIEN	Vietnamese
12	CHU TUẤN ANH	P2	94-95	2	16		60	CODIEN	Vietnamese
13	LÊ HỒNG CƯỜNG**	P2	96-97	2	24		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TẤT HÒA	BK8					70	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN VĂN THUẬN	BK8	57	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU HÀ	BK8	56	1	6	80	65	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN THANH SƠN	BK8	88	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐỖ VĂN HÙNG	BK8	55	1	7		67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

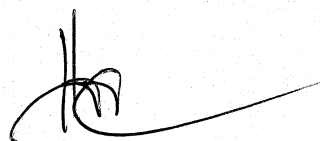
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	13	16	114	917	80	5		
2	BK8	5	4	19	339	80	6		
TOTAL		18	20	133	1.256	160	11		
WEIGHT KG				133	1.256	160			

GRAND TOAL: 1.549 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/09/2022	TO: PPD - RP3 - RCDM	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:05
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: Dương - CHIẾN - HIẾU	ETA: 13:45
TIM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ VĂN CHIẾN	PPD	82	1	5		71	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	PPD	88	1	6		62	KHI	Vietnamese
3	LÊ HỒNG PHONG	PPD	86	1	5		82	KHI	Vietnamese
4	ĐẶNG VĂN BAN	PPD	83	1	5		78	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN CHIẾN	PPD	87	1	2		55	KHI	Vietnamese
6	LÊ HUY VINH	PPD	81	1	4		62	KHI	Vietnamese
7	PHẠM TUẤN VIỆT	PPD	90	1	9		90	KHI	Vietnamese
8	LUÔNG VIỆT HỢP	PPD	93-94	2	13		57	KHI	Vietnamese
9	PHAN NĂNG KHOA	PPD	91-92	2	15		56	KHI	Vietnamese
10	ĐẶNG TRẦN LONG	PPD	99,700	2	14	40	55	KHI	Vietnamese
11	DƯƠNG VĂN VỊ	PPD	95	1	9		62	KHI	Vietnamese
12	TRẦN TRUNG HIẾU	PPD	96-97	2	17		68	KHI	Vietnamese
13	TRẦN VĂN TỰ	PPD	98	1	7		61	KHI	Vietnamese
14	THIỆU VĂN LONG	PPD	89	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
15	VŨ VĂN KHA	PPD	84-85	2	16		68	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN TÂN	RP3	37	1	3		70	KHI	Vietnamese
17	LANH TRUNG ĐỒNG	RP3	34	1	4		69	KHI	Vietnamese
18	LÊ NHU NGUYỄN	RP3	35-36	2	10		60	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN TRUNG KIẾN	RP3	32	1	6		73	KHI	Vietnamese
20	LẠI VĂN MINH	RP3	33	1	3		63	KHI	Vietnamese
21	TẠ PHI KHANH	RP3					68	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

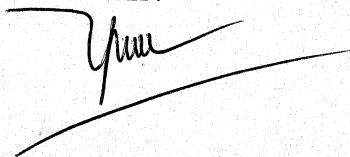
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	15	20	137	997	40	0		
2	RP3	6	6	26	403	0	13		
3	RCDM	0	0	0	0	35	4		
TOTAL		21	26	163	1.400	75	17		
WEIGHT KG				163	1.400	75			

GRAND TOAL: 1.638 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

